

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 244/2020/HNGĐ – ST

Ngày: 21-7-2020

V/v tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Á

2. Bà Trương Thị Diện

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Tuyết Mai – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã HN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ánh Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thị xã HN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 09/2019/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hà Thị Mỹ T, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố CC, phường HH, thị xã HN, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn: Anh Phan Thanh H, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố CC, phường HH, thị xã HN, tỉnh Bình Định.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1969 (yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố CC Nam, phường HH, thị xã HN, tỉnh Bình Định.

2/ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ: số 02 đường LH, phường TC, quận BĐ, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chủ tịch Hội đồng thành viên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn xin ly hôn và trình bày của nguyên đơn, chị Hà Thị Mỹ T là: Chị và anh Phan Thanh H kết hôn năm 2005, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường HH. Trong cuộc sống chung, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng, không thể hàn gắn được. Anh H cũng có đánh chị. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H.

Về con chung: Có bốn con chung tên Phan Thanh Tr – sinh ngày 31/01/2006, Phan Thanh T – sinh ngày 11/3/2008, Phan Hà V – sinh ngày 19/5/2010 và Phan Thanh P – sinh ngày 07/11/2012. Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi con Phan Hà V và Phan Thanh P, giao hai con Phan Thanh Tr và Phan Thanh T cho anh H nuôi dưỡng, chị không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Nhà đất ở thửa đất số 156, tờ bản đồ số 23 khu phố CC, phường HH, thửa đất số 184, tờ bản đồ số 07 phường TQN, hai chiếc xe máy Honda RSX biển kiểm soát 77C1-63734 và Honda AirBlade biển kiểm soát 77N9-3251.

Về nợ chung: Có vay tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh HN, phòng giao dịch HH số tiền 150.000.000 đồng.

Yêu cầu về tài sản chung, nợ chung: Chị yêu cầu được nhận phần đất ở TQN, mỗi người nhận trả một nửa số nợ. Chị không đồng ý trả nợ cho hiệu buôn M Đ như anh H trình bày.

+ Theo trình bày của bị đơn, anh Phan Thanh H là: Quan hệ hôn nhân như chị T trình bày là đúng. Về yêu cầu ly hôn của chị T, anh không đồng ý, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Anh không có cách thức hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện tại, vợ chồng vẫn sống mỗi người một nơi.

Về con chung: Có 04 con chung như chị T trình bày là đúng. Trường hợp ly hôn, anh yêu cầu nuôi cả bốn con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Tài sản chung như chị T trình bày gồm thửa đất số 156, tờ bản đồ số 23 xã HH, thửa đất số 184, tờ bản đồ số 07 ở TQN và hai chiếc xe máy.

Về nợ chung: Có nợ ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 150.000.000 đồng như chị T trình bày. Ngoài ra còn nợ hiệu buôn M Đ 5.100.000 đồng.

Yêu cầu về tài sản chung, nợ chung: Yêu cầu tài sản chung để lại cho con. Thửa đất số 184, tờ bản đồ số 23 xã HH là của cha mẹ anh cho, anh không đồng ý chia, anh yêu cầu trả lại đất cho cha mẹ anh. Nợ chung thì yêu cầu vợ chồng cùng có trách nhiệm trả nợ. Đối với khoản nợ ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, anh đã trả nợ xong.

+ Theo trình bày của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà Đỗ Thị M là: Vào khoảng năm 2106, năm 2017, vợ chồng anh Phan Thanh H, chị Hà Thị Mỹ T có mua cước và lưới dãi của cửa hàng bà. Trong quá trình mua bán, vợ chồng anh H, chị T còn nợ số tiền là 5.100.000 đồng. Nay vợ chồng anh H, chị T ly hôn, bà không có ý kiến gì. Đối với khoản tiền mà chị T và anh H còn nợ, bà xin yêu cầu giải quyết sau. Bà M yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

+ Theo trình bày của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, đại diện Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là: Vợ chồng anh Phan Thanh H, chị Hà Thị Mỹ T có vay tại Ngân hàng nông nghiệp Việt Nam, chi nhánh HN, phòng giao dịch HH số tiền là 150.000.000 đồng. Vào ngày 05/3/2020, vợ chồng anh H, chị T đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Hiện tại, vợ chồng anh H, chị T không còn nợ ngân hàng nữa.

+ Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp quy định của pháp luật. Đề nghị khắc phục: vụ án quá hạn luật định.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị Mỹ T, chị T được ly hôn anh Phan Thanh H. Giao hai con chung tên Phan Thanh Tr – sinh ngày 31/01/2006, Phan Thanh T – sinh ngày 11/3/2008, Phan Hà V – sinh ngày 19/5/2010 cho anh Phan Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Phan Thanh P – sinh ngày 07/11/2012 cho chị Hà Thị Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của anh Phan Thanh H và chị Hà Thị Mỹ T không yêu cầu cấp dưỡng cho con; về tài sản chung, nợ chung: giao cho chị Hà Thị Mỹ T trọn quyền sử dụng thửa đất số 184, tờ bản đồ số 07 phường TQN và xe máy biển kiểm soát 77C1-63734 do chị T đang quản lý sử dụng, giao cho anh Phan Thanh H trọn quyền sử dụng thửa đất số 156, tờ bản đồ số 23 phường HH và xe máy biển kiểm soát 77N9-3251 do anh H đang quản lý, sử dụng; ghi nhận sự tự nguyện của chị Hà Thị Mỹ T, không yêu cầu anh Phan Thanh H bồi phần chênh lệch; về nợ chung: Khoản nợ 150.000.000 đồng của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đã trả xong, khoản nợ hiệu buôn M Đ không có yêu cầu nên không xem xét; Về chi phí định giá, về án phí: các đương sự chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Hà Thị Mỹ T và anh Phan Thanh H kết hôn năm 2005, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường HH là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay anh H đều không đồng ý ly hôn, anh H muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Anh H cho rằng vợ chồng chỉ không hạnh phúc ở giai đoạn đầu và giữa của cuộc hôn nhân, giai đoạn cuối của cuộc hôn nhân vợ chồng sẽ hạnh phúc. Anh có đánh chị T vì chị T hay đi chơi với chị gái của mình, anh yêu cầu được đi chung nhưng chị T không nghe. Anh có phá nhà của vợ chồng vì cha vợ hay đòi lại cửa đã cho và ngôi nhà này không hợp phong thủy nên anh dọn để xây dựng lại ngôi nhà khác ở phường TQN.

Hội đồng xét xử thấy rằng: xuất phát từ mâu thuẫn vợ chồng, anh H thường có hành vi đánh chị T. Từ tháng 9/2019 đến nay mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T, anh H ngày càng trầm trọng hơn. Anh H phá ngôi nhà chung nên chị T cùng con nhỏ phải thuê nhà để sinh sống, con lớn về sống với ông bà nội. Anh H muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng bản thân anh không những không có cách thức, việc làm cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà còn làm mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng mỗi người sống một nơi đã được một năm. Qua xác minh tại địa phương, xác định mâu thuẫn về hôn nhân giữa chị T và anh H là có thật, đoàn thể phụ nữ của khu phố đã hòa giải nhưng không thành. Từ đó, có thể thấy rằng tình cảm giữa chị T và anh H đã không còn, hôn nhân giữa hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị T ly hôn anh H là phù hợp với thực tế và đúng qui định của pháp luật.

[2] Về con chung: Có 04 con chung tên Phan Thanh Tr, sinh ngày 31/01/2006, Phan Thanh T, sinh ngày 11/3/2008, Phan Hà V, sinh ngày 19/5/2010 và Phan Thanh P, sinh ngày 07/11/2012. Chị Hà Thị Mỹ T có nguyện vọng nuôi hai con Phan Hà V và Phan Thanh P vì hai cháu còn nhỏ, cần sự chăm sóc hàng ngày của mẹ. Anh H yêu cầu nuôi cả bốn con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con. Xét thấy, hai cháu Phan Thanh Tr và Phan Thanh T có nguyện vọng được ở với cha và hiện tại hai cháu cũng đang ở với cha nên tiếp tục giao hai cháu cho anh Phan Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Cháu Phan Thanh P đang ở với chị T và cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ nên tiếp tục giao cháu Phú cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp cháu Phan Hà V, cháu có nguyện vọng được ở với cha nhưng hiện tại cháu đã về sống với mẹ, chị T có thời gian chăm sóc, chỉ dạy cho con học tập. Hơn nữa, cháu là nữ lại sắp bước vào tuổi dậy thì, tâm sinh lý có nhiều thay đổi nghĩ nên giao cháu cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và bảo đảm được sự phát triển bình thường, ổn định cho cháu.

[3] Về cấp dưỡng cho con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Hà Thị Mỹ T và anh Phan Thanh H, không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hà Thị Mỹ T và anh Phan Thanh H thống nhất tài sản chung của hai anh chị gồm nhà và đất tại thửa đất số 156, tờ bản đồ số 23 khu phố CC, phường HH, thửa đất số 184, tờ bản đồ số 07 phường TQN và hai xe gắn máy biển kiểm soát 77C1-63734 và 77N9-3251 đứng tên anh Phan Thanh H.

Đối với thửa đất số 156, tờ bản đồ số 23 phường HH diện tích: 101,8m² đất ở. Phần đất này có nguồn gốc từ cha mẹ anh H cho vợ chồng anh H, chị T. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay anh H có nguyện vọng trả lại thửa đất này nhưng yêu cầu này của anh H không được chị T đồng ý nên thửa đất này vẫn thuộc quyền sử dụng của anh H, chị T. Chị T không có nguyện vọng được sử dụng thửa đất này vì nguồn gốc đất là của gia đình anh H và gần nhà cha mẹ anh H nên giao thửa đất này cho anh H tiếp tục sử dụng là phù hợp.

Đối với thửa đất số 184, tờ bản đồ số 07 phường TQN, diện tích: 124.6 m² đất ở. Đây là thửa đất do vợ chồng chị T, anh H nhận chuyển nhượng, là tài sản chung của vợ chồng. Vì giao phần đất tại phường HH cho anh H trọn quyền sử dụng nên giao phần đất này cho chị T trọn quyền sử dụng là phù hợp.

Đối với hai xe mô tô BKS 77C1-63734 và 77N9-3251 đều đứng tên anh Phan Thanh H. Hiện tại chị T đang quản lý xe mô tô 77C1-63734, anh H quản lý xe mô tô 77N9-3251. Nghĩ nên tiếp tục giao cho chị T và anh H được quyền sở hữu xe mô tô mình đang quản lý là phù hợp.

Theo biên bản định giá ngày 06/3/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng dân sự thì:

Thửa đất giao cho anh H có giá 1.018.000.000 đồng, xe mô tô Honda hiệu Air Blade biển kiểm soát 77N9-3251 đứng tên Phan Thanh H có giá 10.000.000 đồng. Tổng tài sản anh H nhận có giá: 1.018.000.000 đồng + 10.000.000 đồng = 1.028.000.000 đồng.

Thửa đất giao cho chị T có giá 623.000.000 đồng, xe mô tô Honda hiệu RSX biển kiểm soát 77C1-63734 đứng tên Phan Thanh H có giá 15.000.000 đồng. Tổng tài sản chị T nhận có giá: 623.000.000 đồng + 15.000.000 đồng = 638.000.000 đồng.

Như vậy: số tài sản anh H nhận nhiều hơn chị T là 1.028.000.000 đồng - 638.000.000 đồng = 390.000.000 đồng.

Nợ chung của vợ chồng được hai bên thừa nhận là 150.000.000 đồng vay của ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh HN,

phòng giao dịch HH. Số tiền này anh H đã trả vào ngày 05/3/2020. Tại phiên tòa hôm nay anh H yêu cầu chị T cùng có nghĩa vụ trả lại cho anh 1/2 số tiền mà anh đã trả cho ngân hàng. Chị T cũng thống nhất với việc trả khoản nợ này nhưng chị không yêu cầu anh H phải thối lại giá trị chênh lệch cho chị mà cần trừ vào khoản nợ chung vay của ngân hàng Nông nghiệp số tiền 150.000.000 đồng mà anh H đã trả nợ cho ngân hàng vào ngày 05/3/2020. Yêu cầu này của chị T là phù hợp, không ảnh hưởng đến quyền lợi của anh H. Do đó, chị T không phải trả lại cho anh H 1/2 số tiền mà anh H đã trả cho ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, chi nhánh HN, phòng giao dịch HH.

Đối với khoản nợ bà Đỗ Thị M: Vì bà Đỗ Thị M không yêu cầu vợ chồng anh H, chị T trả số tiền còn nợ 5.100.000 đồng trong vụ án này nên Tòa không xét.

[5] Về chi phí định giá tài sản: Chị Hà Thị Mỹ T tự nguyện nộp. Chị T đã nộp đủ 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

[6] Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Hà Thị Mỹ T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng sung công quỹ Nhà nước.

- Án phí chia tài sản chung:

+ Chị Hà Thị Mỹ T phải chịu số tiền án phí là: 29.520.000 (Hai mươi chín triệu năm trăm hai mươi nghìn) đồng.

+ Anh Phan Thanh H phải chịu số tiền án phí là: 42.840.000 (Bốn mươi hai triệu tám trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về phần quan hệ hôn nhân, tài sản chung, nợ chung là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về phần con chung là giao ba cháu Phan Thanh T, Phan Thanh Tr, Phan Hà V cho anh Phan Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng là chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chỉ chấp nhận một phần ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, giao hai cháu Phan Thanh T và Phan Thanh Tr cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị Mỹ T. Chị Hà Thị Mỹ T được ly hôn anh Phan Thanh H.

2/ Về con chung: Giao hai con chung tên Phan Thanh Tr, sinh ngày 31/01/2006, Phan Thanh T, sinh ngày 11/3/2008 cho anh Phan Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng; giao hai con chung tên Phan Hà V – sinh ngày 19/5/2010 và Phan Thanh P – sinh ngày 07/11/2012 cho chị Hà Thị Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng.

3/ Về cấp dưỡng cho con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Hà Thị Mỹ T và anh Phan Thanh H, không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung:

Giao cho chị Hà Thị Mỹ T trọn quyền sử dụng và quyền sở hữu những tài sản sau:

- Thửa đất số 184, tờ bản đồ số 07 phường TQN có kích thước và giới cận:

+ Đông giáp: thửa đất số 185, tờ bản đồ số 07 dài 25.1 m.

+ Tây giáp: Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 07 dài 24.8 m

+ Nam giáp: thửa đất số 87, tờ bản đồ số 07 dài 05 m

+ Bắc giáp: đường bê tông dài 05 m.

Diện tích: 124,6 m² đất ở (có sơ đồ chi tiết kèm theo)

- 01 mô tô Honda hiệu RSX biển kiểm soát 77C1-63734, số khung 07AY-103187, số máy F27E-0105389 đứng tên Phan Thanh H.

Tổng giá trị tài sản mà chị T nhận là: 638.000.000 đồng.

Giao cho anh Phan Thanh H trọn quyền sử dụng và quyền sở hữu những tài sản sau:

- Thửa đất số 156, tờ bản đồ số 23 phường HH có kích thước và giới cận:

+ Đông giáp: tỉnh lộ 639 dài 4.04m, 1.93m

+ Tây giáp: đường đất dài 6.31m

+ Nam giáp: thửa đất số 157, tờ bản đồ số 23 dài 10.8m, 7.10m

+ Bắc giáp: thửa đất số 155, tờ bản đồ số 23 dài 9.00m, 6.80m.

Diện tích: 101,8m² đất ở (có sơ đồ chi tiết kèm theo).

- 01 xe mô tô Honda hiệu Air Blade biển kiểm soát 77N9-3251, số khung RLHJA382XJY002060, số máy JA38E0402652 đứng tên Phan Thanh H.

Tổng giá trị tài sản giao cho anh H là: 1.028.000.000 đồng

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Hà Thị Mỹ T không yêu cầu anh Phan Thanh H bồi phần giá trị chênh lệch do nhận tài sản có giá trị cao hơn. Chị Hà Thị Mỹ T không phải trả cho anh Phan Thanh H 1/2 số tiền anh H đã trả cho ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, chi nhánh HN, phòng giao dịch HH 150.000.000 đồng.

Về nợ chung: Vì bà Đỗ Thị M không yêu cầu vợ chồng anh H, chị T trả số tiền còn nợ 5.100.000 đồng trong vụ án này nên Tòa không xét.

Đối với khoản nợ 150.000.000 đồng của ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đã trả nợ xong, ngân hàng không có yêu cầu gì khác nên Tòa không xem xét.

[5] Về chi phí định giá tài sản: Chị Hà Thị Mỹ T tự nguyện nộp. Chị T đã nộp đủ 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

[6] Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Hà Thị Mỹ T phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng sung công quỹ Nhà nước.

- Án phí chia tài sản chung:

+ Chị Hà Thị Mỹ T phải chịu số tiền án phí là: 29.520.000 (*Hai mươi chín triệu năm trăm hai mươi nghìn*) đồng.

+ Anh Phan Thanh H phải chịu số tiền án phí là: 42.840.000 (*Bốn mươi hai triệu tám trăm bốn mươi nghìn*) đồng.

Chị Hà Thị Mỹ T đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005490 ngày 04 tháng 12 năm 2020 và 1.000.000 (*Một triệu*) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005489 ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã HN nên được khấu trừ. Số tiền chị T còn phải nộp là: 28.520.000 đồng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2, Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30, Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự.
- VKSND thị xã HN.
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Minh Thành

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Điện

Nguyễn Hữu Phước

Trần Minh Thành

